

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03 tháng 7 năm 2024

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Danh, bà Lê Bích Loan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXXST-HN, ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 320/TB-TA, ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ X, ấp K, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ Y, khóm T, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Đoàn Văn L do tự tìm hiểu, tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2007. Đến năm 2011 thì bà T và ông L mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 151/2011 ngày 02/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông L còn hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm. Bà T và ông L đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung: 1/ Cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 08/5/2008; 2/ Cháu Đoàn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2011. T và Ý đang sống cùng bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2024, ông Đoàn Văn L trình bày: Ông L thống nhất trình bày của bà T về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn tình cảm. Ông L và bà T đã ly thân từ khoảng năm 2022 cho đến nay, tình cảm không còn và ông L đồng ý ly hôn. Ông L cũng đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con sau ly hôn và xin không cấp dưỡng.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận ý kiến con chưa thành niên.

Theo các Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên cùng ngày 03/4/2024, cháu Đoàn Quốc T và cháu Đoàn Thị Như Ý đều có nguyện vọng sống cùng bà T sau khi bà T và ông L ly hôn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, T thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không Tộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T, ông L; kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị công nhận sự Tận tình ly hôn giữa các đương sự. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị giao cháu Đoàn Quốc T và cháu Đoàn Thị Như Ý cho bà T trực tiếp nuôi dạy, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Đoàn Văn L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Đoàn Văn L cư trú khóm Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng bà T và ông L đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Như vậy các đương sự đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu Tẫn trong tình cảm giữa bà T và ông L là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T và ông L đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai người không có thiện chí hàn gắn. Khi biết bà T xin ly hôn thì ông L cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy mâu Tẫn tình cảm giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên công nhận sự Tận tình ly hôn giữa bà T và ông L là phù hợp quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông L có hai con chung tên Đoàn Quốc T, sinh ngày 08/5/2008 và Đoàn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2011. Cháu T và cháu Ý đều có nguyện vọng sống cùng bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 2 con chung và ông L cũng đồng ý. Xét thấy nên giao cháu T và cháu Ý cho bà T trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp nguyện vọng của các cháu; sẽ tránh ảnh hưởng tâm lý, sự phát triển bình thường của các cháu, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của T về việc không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Đoàn Văn L.

2. Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dạy 02 (hai) con chung tên Đoàn Quốc T, sinh ngày 08/5/2008 và Đoàn Thị Như Ý, sinh ngày 18/6/2011.

Ông Đoàn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đoàn Văn L và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Lê Thị T. Ngược lại, bà T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông L.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai T số 0009331 ngày 12/3/2024. (Bà T đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị T và ông Đoàn Văn L là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Khánh Hòa, CP (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu